

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 06 tháng 01 năm 2026

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381	Học sinh					
2.	Số học sinh cắt cơm	1	Học sinh					
3.	Số học sinh ăn sáng:	380	Học sinh	Tiền ăn:	7,000	đồng	= 2,660,000	đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	380	Học sinh	Tiền ăn:	23,000	đồng	= 8,740,000	đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	380	Học sinh	Tiền ăn:	23,000	đồng	= 8,740,000	đồng
8.	Tiền thu:	20,140,000	đồng	53,000				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	20,140,000	đồng					
10.	Tiền thiếu:			0	đồng			

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	114	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20.0	50,000	1,000,000	
3	Nước mắm	Lít	2.0	13,800	27,600	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	2.0	20,000	40,000	

6	Muối trắng	Kg	2.0	7,000	14,000	
7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Bánh Mỳ	Cái	380.0	3,500	1,330,000	
11	Xúc xích (ăn cùng Bánh mỳ)	Cái	380.0	4,000	1,520,000	
12	Gà chiên	Kg	67.0	80,000	5,360,000	
13	Bột chiên	Kg	4.0	28,000	112,000	
14	Bí xanh (thịt xay)	Kg	46.8	10,000	468,000	
15	Thịt xay (Xào bí xanh+ giá đỗ)	Kg	3.0	120,000	360,000	
16	Cải ngọt (canh)	Kg	22.0	12,000	264,000	
17	Quả ổi	Kg	27.0	20,000	540,000	
18	Thịt lợn chiên xù	Kg	50.5	120,000	6,060,000	
20	Giá đỗ (Xào thịt xay)	Kg	40.0	17,000	680,000	
21	Bắp cải (canh)	Kg	20.0	12,000	240,000	
22	Quả dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
23	Hành khô	Kg		40,000	-	
24	Tỏi	Kg		40,000	-	
25	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					20,140,000	

Yên Châu, ngày 06...tháng 04...năm 2025...

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Văn Hải

